TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2017
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bá Quyền;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa*:** Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 263/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 286, tổ 16, ấp Bến Tranh, xã T, huyện D, tỉnh B; tạm trú: Số 555/9, tổ 1, khu 3, phường Phú Hòa, thành phố T, tỉnh B (nhà trọ Phan Văn Nghĩa); có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 119, tổ 1, ấp Vĩnh Trường, xã T, thị xã T, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12-6-2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị S và ông Lê Minh T tìm hiểu nhau được hơn hai năm thì tiến tới hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2014, quyển số 01/2014, cấp ngày 09-01-2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại tổ 1, ấp Vĩnh Trường, xã T, thị xã T, tỉnh B cùng làm nghề cắt tóc. Tuy nhiên, sau khi mở tiệm cắt tóc thì ông T thường xuyên uống rượu không lo làm ăn, bà S đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không nghe. Do đó, bà S đã thuê phòng trọ ở riêng tại thành phố T, tỉnh B và sau đó về sống cùng cha mẹ ruột ở

huyện Dầu Tiếng, tỉnh B cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Huỳnh Thị S yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ sau:

+ Trích lục Giấy chứng nhận kết hôn;

+ Bản sao Chứng minh nhân dân + sổ hộ khẩu mang tên Huỳnh Thị S.

Bị đơn ông Lê Minh T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên hòa giải vào các ngày 17-7-2017, ngày 31-7-2017 và ngày 23-8-2017 và tham gia phiên tòa vào ngày 12-9-2017, ngày 28-9-2017 nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Theo biên bản xác minh ngày 17-7-2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh B cho biết ông Lê Minh T và bà Huỳnh Thị S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh B; ông Lê Minh T có đăng ký thường trú và sinh sống tại tổ 1, ấp Vĩnh Trường, xã T, thị xã T, tỉnh B. Về mâu thuẫn của vợ chồng thì chính quyền địa phương không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của đương sự;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T.

Về nội dung: Bà Huỳnh Thị S và ông Lê Minh T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh B (được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2014, quyển số 01/2014, cấp ngày 09-01-2014). Bà Huỳnh Thị S yêu cầu ly hôn vì ông Lê Minh T không chăm lo cuộc sống gia đình thường xuyên uống rượu nên vợ chồng cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2017 đến nay; về con chung không có; về tài sản chung, nợ chung bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị S.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị S có đơn khởi yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh T nên đây là vụ án "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông Lê Minh T có đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại tổ 1, ấp Vĩnh Trường, xã T, thị xã T, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Ông Lê Minh T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 17-

7-2017, ngày 31-7-2017 và ngày 23-8-2017 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập ông T tham gia phiên tòa vào ngày 12-9-2017 và ngày 28-9-2017 nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do là ông T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị S và ông Lê Minh T là những người đủ điều kiện kết hôn; chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu để tiến tới hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh B (được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2014, quyển số 01/2014, cấp ngày 09-01-2014), đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân, không ai còn quan T chăm sóc lẫn nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét, mâu thuẫn giữa bà S và ông T đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

[4]. Về con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 235, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị S về việc Ly hôn với ông Lê Minh T như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị S được ly hôn với ông Lê Minh T.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013053, ngày 22/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị S có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Minh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND xã T;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm